

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 7 – 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Nhị Hường

Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sơn– Kiểm sát viên.

- Nguyên đơn: Phan Thị Thu S, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ D, khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Huỳnh Hữu P, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ C, khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phan Thị Thu S trình bày:

Chị S và anh P sau thời gian tìm hiểu thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2017 nhưng về chung sống với nhau vào đầu năm 2018, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về hầu hết mọi vấn đề trong cuộc sống khiến thường xuyên cãi nhau, có lần còn đánh nhau. Vợ chồng cũng cho nhau thời gian để sửa đổi nhưng không có kết quả, cuộc sống không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2024, hai vợ chồng đã không còn

chung sống với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn anh Huỳnh Hữu P trình bày:

Thống nhất như chị S trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn do anh P không quan tâm đến vợ dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau. Hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nhưng anh P vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản phát biểu như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị S và anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị S thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh P tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2017 phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị S cho rằng hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau thậm chí có lần đánh nhau làm cho cuộc sống của hai vợ chồng không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2024, đã không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm

đến nhau. Anh P thừa nhận, đây là sự thật nên không cần phải chứng minh. Như vậy, mặc dù anh P không đồng ý ly hôn, nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân giữa anh P và chị S. Chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thu S và anh Huỳnh Hữu P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 20/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T) huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Chị Phan Thị Thu S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005189 ngày 01/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- UBND TT.Tân Khai, Hớn Quản, Bình Phước
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải